

## **KẾ HOẠCH**

### **Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai cho các địa phương tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020-2025**

Hiện nay, công tác phòng chống thiên tai là vấn đề luôn được Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm; thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai làm cơ sở thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của quê hương, đất nước. Những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Thừa Thiên Huế đã luôn chú trọng thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai. Địa phương đã xây dựng Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 14/8/2018 triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai; triển khai Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 13/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức xây dựng và củng cố lực lượng xung kích phòng chống thiên tai ở cấp xã với nòng cốt là dân quân tự vệ nhằm nâng cao năng lực dân sự trong ứng phó thiên tai tại cơ sở.

Năm 2019, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai tổ chức công bố quyết định công nhận hoàn thành kế hoạch xây dựng tỉnh điển hình về phòng chống thiên tai cho Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tại 03 cấp (tỉnh, 02 huyện và 02 xã) theo Quyết định số 15/QĐ-TWPCTT ngày 22/11/2019 của Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai.

Thực hiện các nội dung chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai về tiếp tục triển khai, mở rộng phạm vi, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai cho 07 huyện, thị xã, thành phố Huế và các phường, xã, thị trấn còn lại trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 159-KH/TU ngày 18/6/2020 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; UBND tỉnh ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

- Nhằm tiếp tục nâng cao năng lực phòng chống thiên tai cho 07 huyện, thị xã, thành phố Huế (huyện Nam Đông và Quảng Điền đã được công nhận

hoàn thành Kế hoạch xây dựng nâng cao năng lực phòng chống thiên tai) và các phường, xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ, tiến tới xây dựng xã hội an toàn trước thiên tai; nâng cao năng lực phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức chỉ huy, điều hành của cả hệ thống chính trị, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp.

- Công tác phòng, chống thiên tai phải được xem là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết, vừa lâu dài; phòng, chống thiên tai là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của người đứng đầu địa phương và của toàn dân, toàn xã hội. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy, sự quản lý của chính quyền các cấp; phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận và các đoàn thể.

- Phòng, chống thiên tai phải lấy phòng ngừa là chính, thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ” gắn với xây dựng cộng đồng an toàn, nông thôn mới, giảm nhẹ rủi ro thiên tai bắt đầu từ cộng đồng, kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, theo hướng đa mục tiêu; khôi phục, tái thiết sau thiên tai đảm bảo tính bền vững và yêu cầu xây dựng lại tốt hơn; tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ kết hợp với kế thừa những kinh nghiệm truyền thống.

- Các cơ quan phụ trách phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn từ tỉnh đến cơ sở chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp xây dựng, cụ thể hóa thành kế hoạch lồng ghép triển khai thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ chính trị về xây dựng Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

## 2. Yêu cầu

- Quán triệt sâu sắc chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Ủy Ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, trên cơ sở đó Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tiến hành chuẩn bị kế hoạch xây dựng tình hình về phòng chống thiên tai bảo đảm hết sức khẩn trương, đầy đủ, chặt chẽ, chu đáo.

- Các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai Kế hoạch đúng với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 24/6/2014; Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 12/02/2015, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai; Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 13/7/2018 về công tác phòng tránh lũ quét và sạt lở đất; Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 30/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch phòng chống thiên tai quốc gia đến năm 2020; Kế hoạch số 159-KH/TU ngày

18/6/2020 và Kế hoạch số 164-KH/TU ngày 17/8/2020 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế phù hợp với thực tế, bảo đảm tính khả thi trong quá trình thực hiện.

- Lồng ghép, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các chương trình, dự án trên địa bàn để triển khai nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai gắn với phát triển kinh tế xã hội và phát triển ngành, nâng cao hiệu quả đầu tư làm cơ sở để tổ chức thực hiện kế hoạch đạt kết quả tốt nhất.

- Trong quá trình thực hiện phải đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh với các ngành, các địa phương, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc để triển khai kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ, đồng bộ.

## **II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Đến năm 2025 cơ bản hoàn thành nâng cao năng lực cho văn phòng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp (tỉnh, huyện, xã) để chủ động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, giảm tổn thất về người và tài sản của nhân dân và nhà nước; tạo điều kiện phát triển bền vững, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai.

### **2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025**

Đến năm 2025 có 145 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ; 09/09 Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực về phòng chống thiên tai tại chỗ.

## **III. NỘI DUNG**

1. Đối với các đơn vị, địa phương đã được công bố hoàn thành Kế hoạch xây dựng tình hình điển hình về phòng chống thiên tai năm 2019: Tiếp tục xây dựng chuyên sâu, toàn diện, hoàn thiện hơn cho Văn phòng thường trực cấp tỉnh, huyện, xã đã được công nhận.

2. Đối với các đơn vị, địa phương chưa được công nhận hoàn thành xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai: Tiếp tục nâng cao năng lực phòng chống thiên tai cho các huyện, thị xã, thành phố Huế và các phường, xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ, cụ thể:

a) Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực tham mưu phòng, chống thiên tai

- Tổ chức bộ máy:

Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ huy và Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp theo quy định tại Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018.

Rà soát Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy và Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp.

Ban hành Quyết định việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp; Quyết định phân công nhiệm vụ các đơn vị có lực lượng, vật tư, phương tiện tham gia công tác phòng chống thiên tai cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn.

- Nguồn nhân lực:

Rà soát, bố trí cán bộ chuyên môn của cấp huyện, cấp xã thực hiện Văn phòng thường trực Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

Thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của các đội xung kích phòng, chống thiên tai.

Tổ chức thu, nộp Quỹ phòng chống thiên tai.

b) Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh

- Xây dựng, rà soát Kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp.

- Xây dựng phương án ứng phó với thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai.

c) Có cơ sở hạ tầng thiết yếu đảm bảo công tác phòng chống thiên tai tại chỗ

- Thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào các quy hoạch.

- Lồng ghép, huy động mọi nguồn lực, các dự án, đề án như: Chương trình Nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, Xóa nhà tạm, Cải cách hành chính, Chương trình quốc gia thích ứng biến đổi khí hậu, Chương trình di dân vùng sạt lở, lũ quét thực hiện các nội dung về phòng thiên tai, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Đề án ngày chủ nhật xanh, Đề án 1002, Quỹ Phòng chống thiên tai, Quỹ Khí hậu xanh GCF, dự án Trường Sơn Xanh, dự án Luxembourg, Đô thị thông minh, GIS Huế.

- Tích hợp sử dụng, kết nối các hạ tầng hệ thống đô thị thông minh, hệ thống thông tin địa lý GIS Huế, ứng dụng hệ thống tin nhắn, phản ánh trực tuyến Hue-S góp phần nâng cao năng lực phòng chống thiên tai.

- Tăng cường trang thiết bị tại Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng, chống

thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Xây dựng Bản đồ thông tin phòng chống thiên tai trong các Phương án ứng phó thiên tai cấp tỉnh, huyện, xã.

- Thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng chống thiên tai.

#### IV. KINH PHÍ

1. Kinh phí: 10,3 tỷ đồng, trong đó:

TT	Nội dung	Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Chủ công trình	Ghi chú
I	Nhu cầu kinh phí đã được phê duyệt tại Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh	7.161.549	460.299	6.190.250	511.000	Báo cáo UBND tỉnh bổ sung khi có nhu cầu
1	Dự trữ vật tư tại các hồ chứa và địa phương	5.684.450	296.250	4.877.200	511.000	Chi tiết Phụ lục I
2	Trang thiết bị phục vụ tại Văn phòng Ban chỉ huy, các huyện, thị xã và thành phố Huế	1.393.000	139.300	1.253.700		Chi tiết Phụ lục II và III
3	Kinh phí in bản đồ	84.099	24.749	59.350		Chi tiết Phụ lục IV
II	Rà soát, cập nhật bản đồ phòng, chống thiên tai	50.000	50.000			
III	Hệ thống camera giám sát kết nối đô thị thông minh (bổ sung lắp đặt tại các vị trí xung yếu: hồ chứa, vị trí thường xuyên bị ngập lụt, sạt lở...)	300.000	300.000			Phân bổ giai đoạn 2020-2025
IV	Tập huấn nâng cao năng lực phòng chống thiên tai	180.000	180.000			Phân bổ giai đoạn 2020-2025
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.691.549</b>	<b>990.299</b>	<b>6.190.250</b>	<b>511.000</b>	

#### 2. Nguồn kinh phí

- Kinh phí Trung ương hỗ trợ.
- Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, các đơn vị quản lý và khai thác công trình thủy lợi, thủy điện.
- Quỹ Phòng chống thiên tai.
- Nguồn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác, cụ thể:

a) Đối với các nội dung: Xây dựng, rà soát Kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp giai đoạn 2020-2025 (nhu cầu 900 triệu đồng); xây dựng phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai (nhu cầu 900 triệu đồng) và nội dung sử dụng hệ thống thông tin cảnh báo ứng dụng HueS, mạng xã hội Facebook, Zalo, Viber (nhu cầu 50 triệu đồng) không làm phát sinh chi phí,

Sử dụng nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị để thực hiện (nếu có); Quỹ Phòng chống thiên tai; các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác

b) Dự kiến kinh phí thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2020-2025 là 7.692 triệu đồng (ngân sách tỉnh là 991 triệu đồng, ngân sách các huyện, thị xã và thành phố Huế là 6.190 triệu đồng và chủ công trình là 511 triệu đồng), chi tiết đính kèm, trong đó:

- Hằng năm, trên cơ sở nhu cầu kinh phí của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, khả năng cân đối ngân sách và Quỹ Phòng chống thiên tai, Sở Tài chính sẽ tham mưu UBND tỉnh nguồn kinh phí thực hiện.

- Đối với nhu cầu dự trữ vật tư, trang thiết bị của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai các huyện, thị xã và thành phố Huế, đề nghị các địa phương căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh được ban hành, chủ động sử dụng từ nguồn ngân sách cấp mình, nguồn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác để triển khai thực hiện.

- Đối với nhu cầu dự trữ vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai tại các đập, công trình, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh làm việc với các chủ đập, chủ công trình để tăng cường bố trí thêm vật tư, trang thiết bị đảm bảo công tác phòng chống thiên tai.

3. Sau khi kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt các đơn vị, địa phương có liên quan chủ động lập dự toán, bố trí kinh phí triển khai thực hiện các nội dung được phân công; đồng thời gửi đề xuất về Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh**

Là đơn vị Thường trực chịu trách nhiệm liên hệ, kết nối với UBND các huyện thị xã và thành phố Huế thực hiện nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn triển khai nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai.

### **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chi đạo Văn phòng Điều phối chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, Chi cục Thủy lợi kiểm tra hướng dẫn, đôn đốc triển khai tiêu chí 3.2. “đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ” trong xây dựng nông thôn mới góp phần triển khai nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai.

Phối hợp cung cấp thông tin về kết quả triển khai tiêu chí 3.2. “đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ” về Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

### **3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh**

Chi đạo đạo các đơn vị cấp huyện xây dựng lực lượng xung kích phòng chống thiên tai tại cấp xã với lực lượng dân quân tự vệ làm lòng cốt theo quy định tại Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2019 của Chính phủ.

Xây dựng phương án chủ động, sẵn sàng lực lượng, phương tiện ứng phó kịp thời, hiệu quả các tình huống sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; thường xuyên kiểm tra, rà soát nhân lực và các vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; tổ chức tập huấn, huấn luyện cho lực lượng làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn.

### **4. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chi đạo các đơn vị tham gia, hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin góp phần nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ, gồm:

Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh thực hiện kết nối dữ liệu camera đã có tại một số vị trí ngập lụt xung yếu, các hồ chứa nước truyền về Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phục vụ lãnh đạo chỉ đạo điều hành phòng chống thiên tai.

Phổ biến ứng dụng HUE-S phục vụ thông báo, cảnh báo thiên tai; tích hợp các bản đồ phòng chống thiên tai, sơ tán di dời dân cấp huyện, cấp xã hiện có lên hệ thống GIS Huế.

Hỗ trợ cấp huyện, cấp xã sử dụng Hệ thống tin nhắn các nhà mạng phục vụ nhắn tin phòng chống thiên tai.

### **5. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội, phát triển ngành, cân đối ngân sách, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để bố trí hỗ trợ cho việc đầu tư phục vụ xây dựng nâng cao năng lực phòng chống thiên tai;

Tổng hợp đánh giá thiệt hại, phân tích các nhu cầu khắc phục hậu quả thiên tai tham mưu cho UBND tỉnh danh mục các dự án đầu tư, nguồn lực, giải pháp để tái thiết, khắc phục các công trình hư hỏng sau thiên tai.

### **6. Sở Công Thương**

Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc công tác dự trữ tại các địa phương, địa bàn xung yếu; chỉ đạo các chủ đập thủy điện xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du, lập phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo quy định.

### **7. Sở Y tế**

Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dự trữ đầy đủ thuốc chữa bệnh, hoá chất xử lý môi trường, trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cấp cứu; kiểm tra, xử lý bảo đảm vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh xảy ra.

### **8. Sở Xây dựng**

Hướng dẫn các địa phương hoàn thành quy hoạch xây dựng, cơ sở hạ tầng đảm bảo công tác phòng chống thiên tai tại chỗ; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn các khu tái định cư, Nhà xưởng, Kho tàng, các khu đô thị và công nghiệp, nhà cao tầng đang thi công; hệ thống thoát nước.

Chỉ đạo thực hiện chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

### **9. Sở Lao động Thương binh và Xã hội**

Hướng dẫn các địa phương, cơ quan ban ngành trong việc thực hiện chế độ, chính sách trợ giúp xã hội đột xuất đối với các hộ gia đình, cá nhân gặp khó khăn do thiên tai.

### **10. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chỉ đạo công tác phòng chống thiên tai ngành giáo dục và đào tạo; chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn cho học sinh và giáo viên khi có sự cố, thiên tai xảy ra; triển khai công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kiến thức, kỹ năng về phòng, tránh, ứng phó với tai nạn, sự cố, thiên tai cho học sinh, sinh viên.

### **11. Sở Giao thông vận tải**

Hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo công tác đảm bảo giao thông thông suốt khi có sự cố thiên tai; chuẩn bị đầy đủ vật tư dự phòng, chủ động bố trí lực lượng, phương tiện sẵn sàng khắc phục sự cố, đảm bảo giao thông trong thời gian nhanh nhất.

### **12. Sở Văn hoá và Thể thao**



Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thể thao xây dựng phương án phối hợp sử dụng các địa điểm phòng tập, nhà thi đấu, sân vận động để làm nơi sơ tán dân khi có sự cố thiên tai; tiếp tục tăng cường phối hợp tổ chức chương trình dạy bơi an toàn, phòng, chống đuối nước ở trẻ em.

### **13. Sở Tài chính**

Hàng năm cân đối ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các hoạt động theo nội dung Kế hoạch, đồng thời thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí theo đúng Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách.

### **14. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thừa Thừa Thiên Huế**

Tăng cường đưa tin trên sóng phát thanh, truyền hình tỉnh và các đài, trạm truyền thanh, truyền hình địa phương về dự báo, cảnh báo sự cố, thiên tai; các chủ trương, chỉ thị, công điện của tỉnh và Trung ương về phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai.

### **15. UBND các huyện thị xã và thành phố Huế**

Chỉ đạo xây dựng Văn phòng thường Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ. Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

Các huyện, thị xã và thành phố Huế căn cứ vào Kế hoạch của UBND tỉnh chủ động sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương, nguồn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ khác để triển khai thực hiện.

**16.** Các đơn vị, địa phương còn lại triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2019 của Chính phủ quy định hướng dẫn Luật phòng chống thiên tai góp phần xây dựng nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

**17.** Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tăng cường giám sát, tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

Lồng ghép nội dung công tác phòng, chống thiên tai với hoạt động của các đơn vị, như phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị

văn minh”, tiêu chí đánh giá công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới”, “phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”.

18. Căn cứ nội dung Kế hoạch này, Thủ trưởng các đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ; Thành lập Tổ công tác để chỉ đạo xây dựng phòng chống thiên tai của địa phương, đơn vị triển khai đạt kết quả. Đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai Kế hoạch; định kỳ hàng năm sơ kết (tháng 7 hàng năm), báo cáo kết quả triển khai thực hiện (tháng 12 hàng năm) về Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc cần thông tin kịp thời về Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để được hướng dẫn, chỉ đạo và giải quyết.

Giao Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn các đơn vị thực hiện theo nhiệm vụ được giao, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Ban Chỉ đạo TW về PCTT (b/c);
- UBQG UPSCTTTKCN;
- Bộ NN&PTNT;
- Tổng cục PCTT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, NN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Phương**



Phụ lục I

**NHU CẦU MUA SẴM CÁC TRẠNG THIẾT BỊ ĐẢM BẢO ỨNG PHÓ SỰ CỐ, THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TẠI CÁC HỒ CHỨA NƯỚC VÀ ĐỊA PHƯƠNG**  
(Kèm theo Kế hoạch số **204/KH-UBND** ngày **09/9/2020** của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Hạng mục công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Địa điểm
<b>I</b>	<b>Dự trữ vật tư do Ban Chỉ huy PCTT&amp;TKCN tỉnh quản lý</b>				<b>296.250.000</b>	
1	Tại kho Phòng chống thiên tai Tỉnh 2B Trần Cao Vân					Tại 2B Trần Cao Vân
a	Bao tải	cái	5000	4500	22.500.000	
b	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	200	300.000	60.000.000	
c	Vải lọc ART 15D	m2	3.000	19.500	58.500.000	
2	Dự trữ Đá hộc tại đập Hòa Duân, thị trấn Thuận An, huyện Phú vang					Tại đập Hòa Duân
a	Đá hộc	m3	500	310.500	155.250.000	
<b>II</b>	<b>Dự trữ vật tư do Công ty TNHH NN ITV QLKTCTTL quản lý</b>				<b>511.000.000</b>	
<b>1</b>	<b>Dự trữ Đá hộc tại đập Thảo Long</b>					Tại đập Thảo Long
a	Đá hộc	m3	300	287.500	86.250.000	
<b>2</b>	<b>Dự trữ vật tư tại hồ Thọ Sơn</b>					Tại hồ Thọ Sơn
a	Đá hộc	m3	100	240.000	24.000.000	
b	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
c	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>3</b>	<b>Dự trữ vật tư tại hồ Khe Ngang</b>					Tại hồ Khe Ngang
a	Đá hộc	m3	100	240.000	24.000.000	
b	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
c	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>4</b>	<b>Dự trữ vật tư tại hồ Truồi</b>					Tại hồ Truồi
a	Bao tải	cái	2.000	4.500	9.000.000	
<b>5</b>	<b>Dự trữ vật tư tại hồ Hòa Mỹ</b>					
a	Đá hộc	m3	100	270.000	27.000.000	
b	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
c	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>6</b>	<b>Dự trữ vật tư tại hồ Phú Bài</b>					Tại hồ Phú Bài
a	Bao tải	cái	1.000	4.500	4.500.000	
b	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>7</b>	<b>Dự trữ vật tư tại hồ Châu Sơn</b>					Tại Hồ Châu Sơn
a	Bao tải	cái	1.000	4.500	4.500.000	
b	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
<b>8</b>	<b>Dự trữ vật tư tại hồ Mỹ Xuyên</b>					Tại Hồ Mỹ Xuyên
a	Bao tải	cái	1.000	4.500	4.500.000	
b	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
c	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>9</b>	<b>Dự trữ vật tư tại hồ A Lá</b>					Tại hồ A Lá
a	Đá hộc	m3	100	200.000	20.000.000	

TT	Hạng mục công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Địa điểm
b	Bao tải	cái	1.000	4.500	4.500.000	
c	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
d	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>10</b>	<b>Dự trữ vật tư tại hồ Tà Rình</b>					Tại hồ Tà Rình
a	Đá hộc	m3	100	200.000	20.000.000	
b	Bao tải	cái	1.000	4.500	4.500.000	
c	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
d	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>II</b>	<b>Nhu cầu tập kết vật tư dự trữ ở các địa phương</b>					
<b>1</b>	<b>Huyện Phong Điền quản lý</b>				<b>3.825.700.000</b>	
<b>a</b>	<b>Xã Phong Sơn</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	100	270.000	27.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	200	19.500	3.900.000	
<b>b</b>	<b>Xã Phong An</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	500	240.000	120.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	500	300.000	150.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	1.000	19.500	19.500.000	
<b>c</b>	<b>Xã Phong Hiền</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	400	240.000	96.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	400	300.000	120.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	800	19.500	15.600.000	
<b>d</b>	<b>Xã Phong Thu</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	1.000	270.000	270.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	1.000	300.000	300.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	2.000	19.500	39.000.000	
<b>đ</b>	<b>Xã Phong Hòa</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	1.000	270.000	270.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	1.000	300.000	300.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	2.000	19.500	39.000.000	
<b>e</b>	<b>Xã Phong Bình</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	800	270.000	216.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	800	300.000	240.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	1.600	19.500	31.200.000	
<b>g</b>	<b>Xã Phong Chương</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	900	270.000	243.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	900	300.000	270.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	1.800	19.500	35.100.000	
<b>h</b>	<b>Xã Điền Hải</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	700	280.000	196.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	700	300.000	210.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	1.400	19.500	27.300.000	
<b>i</b>	<b>Xã Phong Hải</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	900	280.000	252.000.000	

TT	Hạng mục công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Địa điểm
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	900	300.000	270.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	1.800	19.500	35.100.000	
<b>2</b>	<b>Huyện Quảng Điền quản lý</b>				<b>384.500.000</b>	
<b>a</b>	<b>Dự trữ vật tư tại hồ Nam Giảng</b>					Tại hồ Nam Giảng
	Đá hộc	m3	200	250.000	50.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	200	300.000	60.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	1.000	19.500	19.500.000	
<b>b</b>	<b>Dự trữ vật tư tại hồ Đồng Bào</b>					Tại hồ Đồng Bào
	Đá hộc	m3	100	250.000	25.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>c</b>	<b>Thôn An Xuân, xã Quảng An</b>					
	Đá hộc	m3	100	240.000	24.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>d</b>	<b>Thị trấn Sịa</b>					Tại UBND thị trấn
	Đá hộc	m3	100	240.000	24.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>đ</b>	<b>xã Quảng Thọ</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	100	230.000	23.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>3</b>	<b>Huyện Phú Lộc quản lý</b>				<b>411.000.000</b>	
<b>a</b>	<b>Thị trấn Lăng Cô</b>					Tại UBND thị trấn
	Đá hộc	m3	100	270.000	27.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>b</b>	<b>Xã Giang Hải</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	200	270.000	54.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	200	300.000	60.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	2.000	19.500	39.000.000	
<b>c</b>	<b>Xã Lộc Thủy</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	100	240.000	24.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>d</b>	<b>Xã Lộc Trì</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	100	240.000	24.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>đ</b>	<b>Xã Lộc An</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	100	240.000	24.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>4</b>	<b>Thị xã Hương Trà</b>				<b>256.000.000</b>	

TT	Hạng mục công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Địa điểm
<b>a</b>	<b>Xã Hương Thọ</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	100	210.000	30.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>b</b>	<b>Phường Hương Hồ</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	100	210.000	21.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>c</b>	<b>Phường Hương Xuân</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	100	230.000	23.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
<b>d</b>	<b>Xã Hương Vinh</b>					Tại UBND xã
	Đá hộc	m3	100	230.000	23.000.000	
	Rọ đá (2x1x0,5)m	cái	100	300.000	30.000.000	
	Vải lọc ART 15D	m2	500	19.500	9.750.000	
					<b>5.684.450.000</b>	



Phụ lục II

NHU CẦU TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ TRỰC TIẾP CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TẠI  
VĂN PHÒNG BAN CHỈ HUY PCTT VÀ TKCN TỈNH

TT	Trang thiết bị	Mô tả	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
<b>I</b>						
<b>Phòng họp trực tuyến</b>						
1	Tivi 55 inch	Đảm bảo phục vụ công tác họp giao ban với Ban Chỉ đạo Trung ương PCTT và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh	Cái	1	15.000.000	15.000.000
2	Webcam Logitech Full HD		Bộ	1	2.000.000	2.000.000
3	Mic Phoenix PCS		Bộ	1	8.000.000	8.000.000
4	Dây cáp kết nối hình ảnh, âm thanh (VGA, HDMI , USB, Audio)		Bộ	2	1.000.000	2.000.000
5	Bộ chuyển đổi VGA sang HDMI		Bộ	1	300.000	300.000
6	Máy tính để bàn		Bộ	1	10.000.000	10.000.000
7	Máy chiếu (projector) độ phân giải Full HD		Cái	1	30.000.000	30.000.000
8	Màn chiếu treo tường 150 inch		Bộ	1	4.000.000	4.000.000
<b>Tổng cộng I</b>						<b>71.300.000</b>
<b>II</b>						
<b>Phòng trực ban</b>						
1	Máy tính để bàn	Đảm bảo phục vụ công tác trực ban phòng chống thiên tai	Bộ	2	10.000.000	20.000.000
2	Laptop		Cái	1	15.000.000	15.000.000
3	Máy fax		Cái	1	3.000.000	3.000.000
4	Máy ảnh kỹ thuật số		Cái	1	5.000.000	5.000.000
5	Máy in		Cái	1	4.000.000	4.000.000
6	Máy photocopy		Cái	1	20.000.000	20.000.000
7	Máy điện thoại để bàn		Cái	2	500.000	1.000.000
<b>Tổng cộng II</b>						<b>68.000.000</b>
<b>Tổng cộng I +II</b>						<b>139.300.000</b>

Phụ lục III

NHU CẦU TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ TRỰC TIẾP CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TẠI VĂN PHÒNG BAN CHỈ HUY PCTT VÀ TKCN HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

TT	Trang thiết bị	Mô tả	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
<b>I Phòng họp trực tuyến</b>						
1	Tivi 55 inch	Đảm bảo phục vụ công tác họp giao ban với Ban Chỉ đạo TWPCTT và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh	Cái	1	15.000.000	15.000.000
2	Webcam Logitech Full HD		Bộ	1	2.000.000	2.000.000
3	Mic Phoenix PCS		Bộ	1	8.000.000	8.000.000
4	Dây cáp kết nối hình ảnh, âm thanh (VGA, HDMI, USB, Audio)		Bộ	2	1.000.000	2.000.000
5	Bộ chuyển đổi VGA sang HDMI		Bộ	1	300.000	300.000
6	Máy tính để bàn		Bộ	1	10.000.000	10.000.000
7	Máy chiếu (projector) độ phân giải Full HD		Cái	1	30.000.000	30.000.000
8	Màn chiếu treo tường 150 inch		Bộ	1	4.000.000	4.000.000
<b>Tổng cộng I</b>						<b>71.300.000</b>
<b>II Phòng trực ban</b>						
1	Máy tính để bàn	Đảm bảo phục vụ công tác trực ban PCTT	Bộ	2	10.000.000	20.000.000
2	Laptop		Cái	1	15.000.000	15.000.000
3	Máy fax		Cái	1	3.000.000	3.000.000
4	Máy ảnh kỹ thuật số		Cái	1	5.000.000	5.000.000
5	Máy in		Cái	1	4.000.000	4.000.000
6	Máy photocopy		Cái	1	20.000.000	20.000.000
7	Máy điện thoại để bàn		Cái	2	500.000	1.000.000
<b>Tổng cộng II</b>						<b>68.000.000</b>
<b>Tổng cộng I + II</b>						<b>139.300.000</b>
<b>Tổng cộng 09 văn phòng Ban chỉ huy PCTT và TKCN huyện, thị xã và thành phố</b>						<b>1.253.700.000</b>



Phụ lục IV

NHU CẦU TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ TRỰC TIẾP CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TẠI  
VĂN PHÒNG BAN CHỈ HUY PCTT VÀ TKCN HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ  
THỐNG KÊ CÁC LOẠI BẢN ĐỒ PHỤC VỤ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI



\* THƯ VIỆN PHÁP LUẬT Tel +84-2

TT	Tên bản đồ	Số lượng	Kích thước (m)	Đơn vị (m2)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
<b>A</b>	<b>Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&amp;TKCN cấp tỉnh</b>					<b>24.748.600</b>
<b>I</b>	<b>Đã có</b>					<b>6.757.400</b>
1	Bản đồ đường đi của bão (tại phòng trực ban)	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
2	Biểu đồ đường quan hệ của các hồ chứa thủy lợi và thủy điện (tại phòng trực ban)	4	1,07x1,65	1,766	520.000	3.672.240
3	Biểu đồ mực nước trên các sông chính và các cấp báo động (tại phòng trực ban)	2	1,4x1,4	1,96	520.000	2.038.400
<b>II</b>	<b>Chưa có (cần bổ sung)</b>					<b>17.991.200</b>
1	Bản đồ đường đi của bão (tại phòng họp)	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
2	Biểu đồ đường quan hệ của các hồ chứa thủy lợi và thủy điện (tại phòng họp)	4	1,07x1,65	1,766	520.000	3.672.240
3	Biểu đồ mực nước trên các sông chính và các cấp báo động (tại phòng họp)	2	1,4x1,4	1,96	520.000	2.038.400
4	Bản đồ các công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh (tại phòng họp)	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
5	Bản đồ ngập lụt ứng với từng cấp báo động mực nước trên sông (tại phòng họp)	3	1,22x1,65	2,013	520.000	3.140.280
6	Bản đồ lũ quét, sạt lở đất (tại phòng họp)	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
7	Tập biểu đồ đường quan hệ và hình ảnh của các hồ chứa thủy lợi và thủy điện (20 trang A3)	20	A3		300.000	6.000.000
<b>B</b>	<b>Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&amp;TKCN cấp huyện, thị xã, thành phố (chưa có)</b>					<b>59.350.460</b>
<b>I</b>	<b>Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&amp;TKCN thành phố Huế</b>					<b>8.061.560</b>
1	Bản đồ đường đi của bão	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
2	Bản đồ ngập lụt ứng với từng cấp báo động mực nước trên sông Hương	3	1,22x1,65	2,013	520.000	3.140.280
3	Biểu đồ mực nước và các cấp báo động trên sông Hương	2	1,4x1,4	1,96	520.000	2.038.400
4	Biểu đồ đường quan hệ của các hồ chứa Bình Điền, Tà Trạch	2	1,07x1,65	1,766	520.000	1.836.120
<b>II</b>	<b>Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&amp;TKCN thị xã Hương Thủy</b>					<b>8.878.480</b>
1	Bản đồ đường đi của bão	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
2	Bản đồ ngập lụt ứng với từng cấp báo động mực nước trên sông Hương	3	1,22x1,65	2,013	520.000	3.140.280
3	Biểu đồ mực nước và các cấp báo động trên sông Hương	1	1,4x1,4	1,96	520.000	1.019.200

TT	Tên bản đồ	Số lượng	Kích thước (m)	Đơn vị (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
4	Biểu đồ đường quan hệ của các hồ chứa Bình Điền, Tả Trạch, Phú Bài II, Châu Sơn	4	1,07x1,65	1,766	520.000	3.672.240
<b>III</b>	<b>Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&amp;TKCN thị xã Hương Trà</b>					<b>11.890.060</b>
1	Bản đồ đường đi của bão	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
2	Bản đồ ngập lụt ứng với từng cấp báo động mực nước trên sông Hương, sông Bồ	3	1,22x1,65	2,013	520.000	3.140.280
3	Biểu đồ mực nước và các cấp báo động trên sông Hương, sông Bồ	1	1,4x1,4	1,96	520.000	1.019.200
4	Biểu đồ đường quan hệ của các hồ chứa Bình Điền, Tả Trạch, Hương Điền, Khe Ngang, Thọ Sơn	5	1,07x1,65	1,766	520.000	4.590.300
5	Bản đồ sạt lở bờ sông, bờ biển	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
6	Bản đồ lũ quét, sạt lở đất	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
<b>IV</b>	<b>Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&amp;TKCN huyện Phong Điền</b>					<b>7.042.360</b>
1	Bản đồ đường đi của bão	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
2	Bản đồ ngập lụt ứng với từng cấp báo động mực nước trên sông Bồ, sông Ô Lâu	2	1,22x1,65	2,013	520.000	2.093.520
3	Biểu đồ mực nước và các cấp báo động trên sông Bồ, sông Ô Lâu	1	1,4x1,4	1,96	520.000	1.019.200
4	Biểu đồ đường quan hệ của các hồ chứa Hương Điền, Hòa Mỹ	2	1,07x1,65	1,766	520.000	1.836.120
5	Bản đồ sạt lở bờ sông, bờ biển	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
<b>V</b>	<b>Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&amp;TKCN huyện Quảng Điền</b>					<b>5.206.240</b>
1	Bản đồ đường đi của bão	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
2	Bản đồ ngập lụt ứng với từng cấp báo động mực nước trên sông Bồ, sông Hương	2	1,22x1,65	2,013	520.000	2.093.520
3	Biểu đồ mực nước và các cấp báo động trên sông Bồ, sông Hương	1	1,4x1,4	1,96	520.000	1.019.200
4	Bản đồ sạt lở bờ sông, bờ biển	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
<b>VI</b>	<b>Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&amp;TKCN huyện Phú Lộc</b>					<b>7.042.360</b>
1	Bản đồ đường đi của bão	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
2	Bản đồ ngập lụt ứng với từng cấp báo động mực nước trên sông Trường	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
3	Biểu đồ mực nước và các cấp báo động trên sông Trường	1	1,4x1,4	1,96	520.000	1.019.200
4	Biểu đồ đường quan hệ của các hồ chứa Trường, Thủy Yên	2	1,07x1,65	1,766	520.000	1.836.120
5	Bản đồ sạt lở bờ sông, bờ biển	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
6	Bản đồ lũ quét, sạt lở đất	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
<b>VII</b>	<b>Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&amp;TKCN huyện A Lưới</b>					<b>3.011.580</b>

TT	Tên bản đồ	Số lượng	Kích thước (m)	Đơn vị (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Bản đồ đường đi của bão	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
2	Biểu đồ đường quan hệ của các hồ chứa Thủy Điện A Lưới	1	1,07x1,65	1,766	520.000	918.060
3	Bản đồ lũ quét, sạt lở đất	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
<b>VIII</b>	<b>Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&amp;TKCN huyện Nam Đông</b>					<b>3.011.580</b>
1	Bản đồ đường đi của bão	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
2	Biểu đồ đường quan hệ của các hồ chứa Thủy Điện Thượng Lộ	1	1,07x1,65	1,766	520.000	918.060
3	Bản đồ lũ quét, sạt lở đất	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
<b>IX</b>	<b>Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&amp;TKCN huyện Phú Vang</b>					<b>5.206.240</b>
1	Bản đồ đường đi của bão	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
2	Bản đồ ngập lụt ứng với từng cấp báo động mực nước trên sông Bồ, sông Hương	2	1,22x1,65	2,013	520.000	2.093.520
3	Biểu đồ mực nước và các cấp báo động trên sông Bồ, sông Hương	1	1,4x1,4	1,96	520.000	1.019.200
4	Bản đồ sạt lở bờ sông, bờ biển	1	1,22x1,65	2,013	520.000	1.046.760
	<b>Tổng cộng</b>					<b>84.099.060</b>



Phụ lục V

**KHUNG TIỀN ĐO CÁC HOẠT ĐỘNG NÂNG CAO NĂNG LỰC  
TẠI VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ HUY PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN CÁC CẤP**  
(Kèm theo Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 09/19/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Nội dung công việc	Công việc cần triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
	<b>Kinh phí</b>				<b>3.140</b>
<b>1</b>	<b>Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực tham mưu phòng, chống thiên tai</b>				
a	Kiện toàn Ban Chỉ huy, Văn phòng thường trực: 01 đơn vị cấp huyện; 145 đơn vị cấp xã.	Hoàn thành kiện toàn Ban Chỉ huy; Rà soát Quy chế hoạt động; phân công nhiệm vụ; các đơn vị có lực lượng, vật tư, phương tiện tham gia công tác phòng chống thiên tai cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn huyện, xã.	UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế	Văn phòng thường trực tỉnh	
b	Nguồn nhân lực Phòng chống thiên tai				
		Rà soát, bố trí phân công cán bộ chuyên môn của cấp huyện, cấp xã thực hiện Văn phòng thường trực Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.	UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế	Văn phòng thường trực tỉnh	
		Thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của các đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, thôn	UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế	Bộ Chỉ huy Quân sự; Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thị xã và TP Huế.	
<b>2</b>	<b>Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh</b>				
a	Xây dựng, rà soát Kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp giai đoạn 2020-2025.	Rà soát, cập nhật, bổ sung kế hoạch cấp tỉnh Rà soát, cập nhật, bổ sung kế hoạch cấp huyện và cấp xã	Văn phòng thường trực tỉnh	Các đơn vị địa phương	900

TT	Nội dung công việc	Công việc cần triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
b	Phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai	Rà soát, cập nhật bổ sung hoàn thiện phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai cấp tỉnh	Văn phòng thường trực tỉnh		900
		Rà soát, cập nhật bổ sung hoàn thiện phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai cấp huyện	UBND các huyện, thị xã và TP Huế		
3	Quỹ Phòng chống thiên tai	Triển khai công tác thi, chi Quỹ	Văn phòng thường trực tỉnh		
4	Ứng dụng khoa học công nghệ và hiện đại hoá Văn phòng thường trực				
a	Hệ thống giao ban trực tuyến	Rà soát, kết nối, vận hành hệ thống	Văn phòng thường trực tỉnh		
b	Trang Web PCTT Tổ chức cơ sở dữ liệu PCTT	- Rà soát, cập nhật thông tin - Tiến tới liên kết thông tin, dữ liệu về hồ chứa, KTTV, vị trí xung yếu và dữ liệu PCTT khác phục vụ điều hành ứng phó thiên tai	Văn phòng thường trực tỉnh		
c	Bản đồ phòng, chống thiên tai	Rà soát, cập nhật số liệu năm 2020 hệ thống GIS Huế	Đô thị thông minh	Văn phòng thường trực tỉnh; các huyện, thị xã và TP Huế	90
d	Hệ thống camera giám sát Kết nối với hệ thống Đô thị thông minh	Bổ sung lắp đặt camera tại các vị trí xung yếu (hồ chứa, vị trí thường xuyên bị ngập lụt, sạt lở,...)	Đô thị thông minh	Văn phòng thường trực tỉnh; các huyện, thị xã và TP Huế	300
đ	Sử dụng hệ thống thông tin cảnh báo ứng dụng HUE-S Hoạt động mạng xã hội Facebook, Zalo, Viber	- Tiếp nhận tài liệu từ VPTT BCD; - Rà soát, bổ sung tài liệu cho Thừa Thiên Huế;	Đô thị thông minh	Văn phòng thường trực tỉnh; các huyện, thị xã và TP Huế	50
e	Tập huấn nâng cao năng lực phòng chống thiên tai các cấp		Văn phòng thường trực tỉnh	các huyện, thị xã và TP Huế	900